

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng B1.202

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 11/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Bùi Tuấn Anh	22/08/1999				
2	TA0002	Chu Vân Anh	06/06/2022				
3	TA0003	Đỗ Hoài Anh	13/10/1999				
4	TA0004	Đỗ Thị Anh	21/05/1999				
5	TA0005	Nguyễn Hoàng Anh	04/06/1999				
6	TA0006	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/08/1999				
7	TA0007	Nguyễn Thị Tố Anh	11/11/1999				
8	TA0008	Phạm Quang Hải Anh	14/07/1999				
9	TA0009	Phan Anh	25/10/1999				
10	TA0010	Phan Đức Anh	16/04/1999				
11	TA0011	Tổng Ngọc Anh	25/02/1999				
12	TA0012	Nguyễn Thị Ánh	25/07/1999				
13	TA0013	Bùi Danh Bảo	09/08/1999				
14	TA0014	Đỗ Gia Bảo	10/04/1999				
15	TA0015	Vũ Quang Bình	11/07/1999				
16	TA0016	Bùi Văn Chiến	01/02/1999				
17	TA0017	Phạm Hữu Chiến	23/06/1999				
18	TA0018	Nguyễn Thị Lan Chinh	14/06/1999				
19	TA0019	Nguyễn Văn Cường	5/25/0099				
20	TA0020	Lê Trung Cường	05/07/1999				
21	TA0021	Nguyễn Kim Cường	28/04/1999				
22	TA0022	Bùi Đức Cường	12/11/1999				
23	TA0023	Đỗ Tuấn Đạt	07/08/1999				
24	TA0024	Trịnh Thành Đạt	04/09/1999				
25	TA0025	Nguyễn Tấn Đông	07/01/1995				
26	TA0026	Nguyễn Khắc Đồng	22/07/1999				
27	TA0027	Nguyễn Đình Đức	14/10/1999				
28	TA0028	Nguyễn Minh Đức	02/02/1999				
29	TA0029	Phạm Anh Đức	20/03/1999				
30	TA0030	Dur Văn Dũng	02/11/1999				
31	TA0031	Đoàn Hải Dương	29/01/1999				
32	TA0032	Lê Đức Đại Dương	14/03/1999				
33	TA0033	Nguyễn Đình Dương	21/01/1998				

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
34	TA0034	Nguyễn Hồng Dương	04/04/1999				
35	TA0035	Nguyễn Ngọc Dương	20/01/1999				
36	TA0036	Nguyễn Khánh Duy	24/09/2000				
37	TA0037	Cao Thị Hà Giang	09/10/1999				
38	TA0038	Lê Minh Giang	14/09/1999				
39	TA0039	Nguyễn Thị Hà	15/03/1999				
40	TA0040	Nguyễn Thị Hà	25/08/1999				
41	TA0041	Mai Hoàng Hải	20/10/1999				
42	TA0042	Phạm Thị Kim Hằng	22/03/1999				
43	TA0043	Lê Thị Việt Hằng	14/04/2000				
44	TA0044	Đào Minh Hiếu	08/12/1999				
45	TA0045	Lê Minh Hiếu	27/07/1999				
46	TA0046	Phạm Huy Hiệu	14/10/1999				
47	TA0047	Nguyễn Thị Hoa	20/05/1999				
48	TA0048	Ngô Huy Hoàng	19/12/1995				
49	TA0049	Nguyễn Việt Hoàng	05/06/1999				
50	TA0050	Trương Việt Hoàng	02/03/1999				
51	TA0051	Nguyễn Thị Huệ	13/05/1999				
52	TA0052	Trần Mạnh Hùng	23/03/1999				
53	TA0053	Lê Văn Hường	25/03/1999				
54	TA0054	Bùi Gia Hoàng Huy	18/08/1999				
55	TA0221	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/10/2000				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)